



## ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ PHÒNG THÔNG TIN-VĂN HÓA

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh St., Hà Nội  
Tel: 831-4580 \* Fax: 831-4601 \* Email: [irchano@pd.state.gov](mailto:irchano@pd.state.gov)

### CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN VÀ BÌNH ĐẲNG Ở HOA KỲ

*Nathan Glazer*

Hai giá trị này có khi được nhìn nhận là mâu thuẫn nhau, có khi được nhìn nhận là những cuộc thảo luận khung, bổ sung cho nhau về xã hội Mỹ: chủ nghĩa cá nhân và bình đẳng. Trong tiến trình của lịch sử nước Mỹ, mỗi giá trị có những người biện hộ và những người phê bình của riêng nó. Những nhà quan sát nước ngoài nhấn mạnh giá trị thứ nhất, rồi sau đó nói tới giá trị thứ hai như đặc điểm nổi bật nhất của xã hội mới và chính thể mới xuất hiện ở Hoa Kỳ.

#### **Hai cực của chủ nghĩa cá nhân Mỹ**

Mặt nổi bật của chủ nghĩa cá nhân Mỹ được nêu lên qua một sự kiện là lần đầu tiên việc sử dụng thuật ngữ này ghi trong Từ điển tiếng Anh Oxford được rút ra từ bản dịch cuốn sách nổi tiếng của Tocqueville Nền dân chủ ở nước Mỹ. Tocqueville lập luận rằng chủ nghĩa cá nhân là kết quả tất yếu của dân chủ và bình đẳng. Ông viết rằng: “Tôi đã nêu rõ là làm thế nào mà trong thời kỳ bình đẳng, mọi người đều tìm kiếm ý kiến ngay trong bản thân mình. Bây giờ tôi xin nêu rõ rằng làm thế nào mà trong cùng một thời kỳ, tất cả những cảm xúc của một con người đều chỉ hướng về bản thân mình”. Ông quan tâm tới việc phân biệt rõ hình thức mới này của hành vi con người so với thói ích kỷ thời xa xưa. Ông viết:

*Chủ nghĩa cá nhân là một ý thức chín chắn và trầm lặng vốn thu xếp với từng thành viên trong cộng đồng nhằm tách mình ra khỏi nhóm những người mà anh ta có quan hệ và cách ly ra khỏi gia đình và bạn bè, rồi sau khi anh ta xây dựng một nhóm nhỏ của riêng mình, thì anh ta sẵn sàng bỏ mặc cả xã hội.*

Ông đã mở rộng định nghĩa cô đọng này và đem lại cho nó một ý nghĩa xã hội và chính trị:

*Khi những điều kiện xã hội trở nên bình đẳng hơn, thì đã tăng thêm một số lượng người tuy không đủ giàu có hay đủ quyền lực để gây ảnh hưởng lớn nào đối với những người thân quen của mình, tuy vậy họ đã giành được và duy trì được trình độ giáo dục và tài sản đủ để thỏa mãn ý muốn của mình. Họ chẳng nợ ai một cái gì. Họ nuôi một thói quen coi bản thân mình là kẻ đứng tách ra một mình và họ có xu hướng tưởng tượng là bản tay họ đã nắm gọn tất cả số phận của chính mình.*

Cũng như đối với nhiều vấn đề, rõ ràng là Tocqueville còn phân vân đối với chủ nghĩa cá nhân. Đoạn trích dẫn sau đây có thể gọi nên bộ mặt khó coi nhất của chủ nghĩa cá nhân:

*Các cộng đồng dân chủ.. thường xuyên chật ních những người mà mới chỉ hôm qua chấp nhận những điều kiện độc lập của họ, lúc này lại say sưa với quyền lực mới của mình. Họ áp ủ một niềm tin kiêu hãnh về sức mạnh của mình. Vì họ nghĩ rằng họ không thể tiến xa hơn nữa và không còn cần đến sự giúp đỡ của những người thân quen nữa, nên họ không ngần ngại tỏ rõ rằng họ chẳng quan tâm đến ai hơn quan tâm chính bản thân mình.*

Kể từ thời kỳ đó cách nhìn tính hai mặt của chủ nghĩa cá nhân ở Hoa Kỳ vẫn không thay đổi. Hình ảnh tích cực của chủ nghĩa cá nhân đã nhấn mạnh rằng người Mỹ là người tiên phong đi vào vùng hoang vu giữa những người man rợ và một thân một mình bằng súng trường và búa rìu tự khai phá con đường của mình. Nó nhấn mạnh rằng với tư cách là người tiên phong, anh ta không quan tâm đến sự kiểm soát của chính phủ. Thế có nghĩa là thỉnh thoảng với tư cách đội viên dân phòng, họ đã áp đặt một trật tự tối thiểu ở xã hội biên cương. Nó nhấn mạnh rằng với tư cách là một người Mỹ, anh ta đòi hỏi những quyền của mình- quyền của anh ta yêu cầu chính phủ trước tòa án, qua tổ chức và hoạt động bầu cử, qua trung cầu dân ý, sáng kiến và yêu cầu.

Nhiều xã hội và khung cảnh của Mỹ được đặc trưng ở chủ nghĩa cá nhân này: Kiểu khu định cư nông nghiệp với nhà ở cô quạnh xây dựng trên diện tích rộng lớn, người láng giềng gần nhất ở cách xa một dặm đường, thị trấn gần nhất cách xa một ngày đường, rất khác với các làng nông nghiệp ở châu Âu. Chủ nghĩa cá nhân cũng đặc trưng ở những thành phố xây dựng theo kiểu bàn cờ đam đề mỗi cá nhân có thể lựa chọn một mảnh đất tiêu chuẩn và làm trên mảnh đất đó những gì mình muốn. Hay trong những thập kỷ gần đây, người ta thấy những kiểu phát triển bờ bãi, trong đó mỗi nhà thầu với tư cách cá nhân tìm cách lấy được một số đất đai, rồi không quan tâm gì đến một hình ảnh rộng lớn hơn của hình thức đô thị hoặc qui hoạch đô thị, mà nhanh chóng triển khai sự phát triển của mình và bán cho bất cứ ai có tiền mua nhà.

Chúng ta cũng thấy rõ điều này trong giáo dục cao đẳng ở Mỹ, trong đó các nhà thầu, cá nhân và các nhóm thả sức xây dựng những thiết chế mà họ gọi là trường đại học hoặc cao đẳng và cung cấp chương trình giáo dục theo khả năng họ có thể và cảm thấy cần thiết. Trong tiến trình lịch sử Mỹ, phần lớn những trường này đều thất bại. Có lẽ những trường còn tồn tại được cho đến ngày nay là những trường vững mạnh hơn cả. Nhưng hiện nay chúng ta có khoảng ba nghìn tổ chức các trường đại học tại Hoa Kỳ và nhiều trường này thường xuyên đứng bên bờ vực của khủng hoảng. Hoặc hãy xem xét các kiểu tôn giáo Mỹ mà trong đó chắc chắn là hàng ngàn những người sáng lập và xây dựng các nhà thờ được mọi người trông mong đã sụp đổ một cách chán ngán. Nhưng hàng trăm nhà thờ khác đã thành công và một số khá nổi bật. Thí dụ như nhà thờ Jesus Christ of Latter –day Saint và Christian Science.

Tôi đã cố gắng đưa ra một hình ảnh tích cực về chủ nghĩa cá nhân Mỹ- cơ hội mà nó đem đến cho cá nhân, công hiến của nó cho nền tự do, vai trò thúc đẩy của nó đối với tính đa dạng. Nhưng làm như vậy, hiển nhiên là tôi cũng đồng thời nêu ra những khía cạnh ngược lại: sự không quan tâm đối với việc bảo tồn khung cảnh và hình thức của đô thị, khi người tiên phong thuộc vùng

nông nghiệp hay đô thị di chuyển từ miền đất đai cằn cỗi hoặc cấu trúc lộn xộn, từ bỏ chúng để khởi đầu công việc mới mẻ trên mảnh đất chưa khai phá, đồng thời anh ta cũng không quan tâm đến những người đã bị thụt lùi trong cuộc chạy đua. Vào đầu thế kỷ XX, người ta gọi đó là “chủ nghĩa cá nhân cứng rắn”. Còn những người bị coi là nạn nhân của những phần tử cá nhân chủ nghĩa thì gọi là “chủ nghĩa cá nhân hung hăng”. Những phần tử này vốn là những công nhân công nghiệp thường là bị quân đội ngăn cản không cho tham gia công đoàn, những người lao động nhập cư có khả năng trở thành chủ trại tư nhân ở giữa một vùng biệt lập, mệnh mông đường bệ với hàng trăm mẫu đất (đơn vị của Anh). Khía cạnh tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân đã được các nhà văn Mỹ miêu tả rất hay và đã nổi tiếng đến mức không cần phải bổ sung thêm nữa. Người ta chỉ cần đọc kỹ Upton Sinclair và John Steinbeck là đủ.

### **Chủ nghĩa cá nhân bị kiểm chế**

Vào cuối những năm 60 và những năm 70, chủ nghĩa cá nhân trong lĩnh vực kinh tế mà Hoa Kỳ đã trải qua đã gây ra những trở ngại. Thực trạng nước Mỹ đã có những biến chuyển do một luồng sóng mới của sự điều tiết về pháp luật, phản ánh mối quan tâm ngày càng tăng đối với tầng lớp thiểu số và phụ nữ, đối với môi trường và người tiêu dùng các sản phẩm công nghiệp, đối với các công nhân công nghiệp và nông nghiệp. Các nhà công nghiệp, nhà kinh doanh và chủ trang trại Mỹ về nhiều phương diện vốn vẫn có khả năng là kẻ tự do nhất trên thế giới thì bắt đầu phải làm việc dưới những sự điều tiết quan trọng mới chưa từng có và với những hậu quả chưa thể thấy trước được. Sự điều tiết của thời kỳ mới nối tiếp sự điều tiết của thời kỳ trước đó và nảy sinh từ sự cải cách của thời kỳ sớm hơn, tức là cuối những năm 1880, khi chúng ta thông qua luật chống độc quyền và thiết lập Ủy ban Thương mại liên tiểu bang để điều tiết những con đường sắt; thời kỳ tiên bộ dưới thời Theodore Roosevelt và nhiệm kỳ thứ nhất của Woodrow Wilson, khi các cơ quan điều tiết này được tăng cường, Cục Dự trữ Liên bang và Ủy ban Thương mại Liên bang được thành lập, rồi hai nhiệm kỳ đầu của Franklin D. Roosevelt khi nhiều cơ quan điều tiết được thành lập mà đáng kể nhất là Ủy ban An toàn và Trao đổi và Cục Quan hệ Lao động Quốc gia.

Tuy nhiên tôi tin rằng các nhà sử học tương lai sẽ phải ghi nhận thời kỳ giữa 1964 và 1972 - các nhiệm kỳ Tổng thống của Johnson và Nixon – như một thời kỳ mà trong đó có sự điều tiết của Liên bang đối với công nghiệp, kinh doanh, giáo dục, các chính phủ của Bang và địa phương có những cải tiến nhanh và có tính quyết định nhất. Vào năm 1964, chúng ta thiết lập Ủy ban tạo Cơ hội Tuyển dụng Bình đẳng nhằm tránh sự phân biệt đối xử đối với người thiểu số và phụ nữ trong tuyển dụng. Vào năm 1968, chúng ta cấm phân biệt đối xử trong việc mua nhà và cho thuê nhà; vào năm 1972, các trường đại học và chính phủ địa phương chịu sự kiểm soát của Ủy ban tạo Cơ hội Tuyển dụng Bình đẳng và áp đặt luật nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới tính trong giáo dục cao đẳng. Dưới ảnh hưởng của Ralph Nader<sup>[1]</sup> cùng với sự phát triển nhanh chóng của phong trào người tiêu dùng và môi trường, chúng ta đã xây dựng những cơ quan phụ trách về an toàn xe hơi, về bảo vệ môi trường, an toàn về nghề nghiệp, an toàn về sản phẩm tiêu dùng. Tất cả những điều này tăng lên với mức độ to lớn sự can thiệp của quyền lực chính phủ vào những gì mà trước đây do tư nhân quyết định. Những điều này đã áp đặt việc thực hiện một khối lượng lớn các văn bản đối với kinh doanh và đối với các chính phủ địa phương và Bang, nên hầu như ứng cử viên Tổng thống nào cũng hứa giảm nhẹ sự can thiệp, những lời hứa này quả thật đã góp phần vào việc bầu hai Tổng thống vào năm 1976 và năm 1980.

Những làn sóng mới của phong trào điều tiết này hiển nhiên là đã giúp chúng ta đạt được mức độ nào đó trước những mục tiêu đã nêu ra: bình đẳng đối với tầng lớp thiểu số và phụ nữ, bảo vệ

môi trường, bảo vệ công nhân và người tiêu dùng. Mỗi mục tiêu đều tạo ra một khối lượng lớn các qui tắc, nhiều điều luật và theo đúng với tính chất của các cơ quan chính phủ đã đưa ra các chi tiết tỏ ra mẫu mực, nghiêm ngặt và thỉnh thoảng có những điều cực đoan kỳ cục. Sự phát triển này khiến nhiều người phải tự hỏi rằng: phải chăng còn có lý lẽ để coi Hoa Kỳ là một đất nước mà trong đó chủ nghĩa cá nhân vẫn ngự trị và đứng vững.

Có thể nêu một vài thí dụ: Theo luật cấm phân biệt đối xử về giới tính trong giáo dục, thì một dàn đồng ca nam học sinh có thể bị coi là phân biệt đối xử. Và một dàn đồng ca nữ sinh trong nhà trường thì cũng như vậy. Một cơ sở giáo dục đại học đặt ra những qui định khác nhau đối với nam và nữ sẽ bị coi là phân biệt đối xử. Một hình phạt nào đối với nữ sinh mang bầu ngoài giá thú có nghĩa là phân biệt. Trường hợp những lớp học về sinh lý mà phân chia ra nam riêng và nữ riêng thì cũng như vậy. Đòi hỏi nam giới và học sinh con trai phải để tóc ngắn cũng như đòi hỏi nữ sinh phải mặc váy cũng là phân biệt. Nhiều cơ sở giáo dục đại học ở Hoa Kỳ được sự bảo trợ của tổ chức tôn giáo và ở một số trường này, ít nhất thì việc duy trì đạo đức truyền thống là một bộ phận quan trọng của mục tiêu giáo dục. Tuy nhiên những trường cao đẳng và đại học này cũng chịu sự chi phối của điều luật cấm phân biệt đối xử về giới tính. Chỉ có một trường đại học là trường Mormon Brigham Young do cơ sở tôn giáo đã được miễn trừ một số yêu cầu trong luật cấm phân biệt đối xử về giới tính.

Điều có ý nghĩa hơn là cuộc tấn công dữ dội vào sự phân biệt có tính truyền thống về vai trò của nam và nữ trong nghề nghiệp. Những vụ kiện lớn dẫn tới những đòi hỏi nghiêm khắc trong việc tuyển dụng phụ nữ vào những công việc có kỹ năng bằng tay hoặc máy móc trong ngành điện thoại và công trường xây dựng nhà chọc trời mà theo truyền thống thì do nam giới đảm nhiệm. Quốc hội có nghị quyết để phụ nữ tham gia vào các học viện quân sự. Đặc biệt là dưới thời chính quyền của Tổng thống Carter, một nỗ lực đã được thực hiện nhằm tuyển dụng phụ nữ vào trong tất cả các ngành dịch vụ quân sự, trừ những ngành trực tiếp tham gia chiến đấu và huấn luyện chung cho cả nam và nữ. Bộ Tư pháp yêu cầu cảnh sát và lực lượng cứu hỏa địa phương tuyển dụng phụ nữ làm sĩ quan cảnh sát và chiến sĩ cứu hỏa (tên của những nghề này cũng phải thay đổi để tránh mọi ngụ ý có vẻ thích hợp với nam hơn là với nữ). Mọi cuộc thi và sát hạch, dù là của chính phủ hay tư nhân mà tỏ ra ưu tiên nam hơn nữ thì đều bị kết tội và coi là phân biệt đối xử. Mọi công việc đều có thông báo nhắc nhở phải quan tâm hết sức tỉ mỉ để tránh bất cứ sự nghi ngờ nào về sự ưu tiên một giới này hơn giới khác trong những nghề đặc biệt nào đó.

Pháp chế và luật kiện tụng về cơ bản đã được hoạch định nhằm tránh sự phân biệt đối xử đối với người da đen, những chủng tộc khác và những người thiểu số có nguồn gốc dân tộc khác; nhưng có những cuộc sát hạch để tuyển dụng và đề bạt với sự lựa chọn tỷ lệ phần trăm khác nhau về nam và nữ đã bị phát hiện là có phân biệt đối xử. Những cuộc sát hạch nhằm lựa chọn tỷ lệ phần trăm khác nhau giữa người da đen và da trắng cũng bị phát hiện như vậy. Theo một nghĩa nào đó, chủ nghĩa cá nhân đã được tăng cường, vì bây giờ khó có một nghề nghiệp nào có thể đóng cửa đối với phụ nữ cũng như đối với những người da đen. Nhưng theo một nghĩa khác, thì nó lại bị hạn chế vì tính độc lập của những người chủ ở Mỹ trong việc thuê, đề bạt và sa thải người làm theo ý muốn của mình đã bị hạn chế một cách chặt chẽ.

### **Quan điểm về bình đẳng**

Rõ ràng là một vài mặt của chủ nghĩa cá nhân Mỹ, dù là ta coi nó là “hung hăng” hay “cứng rắn”, thì cũng đã bị hạn chế một cách chặt chẽ. Nhưng cũng cần phải vạch ra rằng sở dĩ một vài

mặt nào đó của chủ nghĩa cá nhân bị hạn chế cũng chỉ vì một số mặt khác của chủ nghĩa cá nhân đã tiến triển rất tốt. Đó là phương diện chính trị của chủ nghĩa cá nhân. Tôi đã nhắc đến tên một nhân vật khi nói về phương diện khá nổi bật này của chủ nghĩa cá nhân: Ralph Nader. Khó có thể tưởng tượng là một nhân vật loại này lại có ảnh hưởng lớn như vậy ở bất cứ một đất nước nào khác. Ông không được chính thức giao phó làm công việc này, ông cũng không phải thành viên của một tổ chức nào có thể ủng hộ ông. Ông viết một cuốn sách nhan đề *Bất cứ tốc độ nào cũng không an toàn* nói về sự thiếu an toàn trong lái xe hơi và do đó hầu như một mình ông chịu trách nhiệm đối với yêu cầu lớn của nhà nước về việc kiểm soát kế hoạch vận hành xe hơi, một kế hoạch ảnh hưởng tới đời sống thường ngày của người Mỹ một cách trực tiếp và ngay tức thì hơn bất cứ một điều luật nào mà người ta có thể nghĩ tới. Do kết quả của điều luật này khiến cho mỗi người Mỹ lái một chiếc ô tô (điều đó có nghĩa là hầu như tất cả những người Mỹ trưởng thành) sẽ được nhắc nhở bởi một tiếng còi khi vào trong xe của mình và tiếng còi này chỉ tắt khi người lái xe đeo dây an toàn vào mà thôi.

Phong trào quyền công dân rầm rộ là nguyên nhân dẫn tới việc ban hành luật về các quyền công dân. Phong trào này nhờ vào công sức của cá nhân những nhân vật anh hùng mà người xuất sắc nhất là Martin Luther King, Jr. Phong trào các quyền phụ nữ đã buộc các cơ quan chính phủ phải thực hiện những điều luật về quyền công dân, chú ý nhiều tới các quyền của phụ nữ, cũng như các quyền của người da đen và những tầng lớp thiểu số khác vốn đã ghi trong điều luật. Phong trào này bùng lên mà không có sự khuyến khích và quan tâm chính thức nào, mà là kết quả của những hành động của các cá nhân và trở thành hiện tượng gây sững sốt nhất và lâu bền nhất vào cuối những năm 60. Phong trào phụ nữ bất ngờ và không báo trước, nhưng bất thành linh triển khai với một sức mạnh kinh hoàng đối với chính phủ, các doanh nghiệp, các trường đại học và thông tin đại chúng và thay đổi ngay chính bản thân ngôn từ khi ta nói về phụ nữ, cũng như phong trào quyền công dân (hay đúng hơn là một nhánh của phong trào đó) đã thay đổi ngay cả ngôn từ khi ta miêu tả về người thiểu số Mỹ gốc Phi. Phong trào bảo vệ môi trường cũng vậy, nổ bùng lên vào cuối những năm 60, triển khai với một sức mạnh lớn, ngăn chặn việc xây ống dẫn dầu Alaska, việc khơi thác mỏ dầu ven bờ và cắt giảm việc phát triển năng lượng hạt nhân. Phong trào này của những cá nhân có thể thúc đẩy việc thông qua những điều luật quan trọng và can thiệp trước tòa án nhằm chống lại nhiều hình thức phát triển kinh tế, nên năm 1979, Hoa Kỳ phải dựa vào các nhà xuất khẩu dầu hỏa nước ngoài nhiều hơn là vào năm 1973.

Hai diện mạo của chủ nghĩa cá nhân: tại Hoa Kỳ, chủ nghĩa cá nhân về kinh tế và thiết chế cứng rắn đã bị ngăn chặn bởi một loại hình mới của chủ nghĩa cá nhân hiến dâng cho sự tự ý thức, cho việc bảo vệ môi trường cùng với sự nghi ngờ đối với doanh nghiệp lớn và tổ chức lớn. Loại hình chủ nghĩa cá nhân thứ hai này vẫn đủ tính thực dụng để tranh thủ được sự ủng hộ của chính phủ, tuy thường là một cách không tự nguyện, đồng thời có khả năng dựa vào sự cởi mở của tiến trình chính trị ở Mỹ, dựa vào sức mạnh của báo chí và thông tin đại chúng nhằm tranh thủ dư luận của công chúng, thu hút công chúng bình thường và các tổ chức phi chính phủ tiếp cận với tòa án và khiến họ có thể tác động vào chính bộ phận lãnh đạo pháp luật.

Loại hình chủ nghĩa cá nhân này bị ngăn cản bởi một loại hình chủ nghĩa cá nhân khác. Henry Ford bị ngăn cản bởi Ralph Nader. Hiển nhiên là hai loại hình chủ nghĩa cá nhân có những gốc rễ, động cơ và kết quả khác nhau. Về cơ bản, loại hình thứ nhất đã cống hiến cho sự tạo dựng những đặc điểm nổi bật nhất của Hoa Kỳ hiện đại, cho năng suất to lớn của Hoa Kỳ, trong khi loại hình thứ hai rõ ràng là đã đặt ra những giới hạn về việc năng suất này có thể được thực hiện như thế nào. Cả hai loại hình đều có sự nghi ngại đối với chính phủ, nhưng cả hai đều tình

nguyện tranh thủ sự ủng hộ của chính phủ. Loại hình chủ nghĩa cá nhân thứ nhất tranh thủ sự ủng hộ của chính phủ nhằm bảo vệ đầu tư ở nước ngoài, đẩy mạnh phát triển kinh tế và tăng lợi nhuận ở trong nước. Loại hình thứ hai tranh thủ sự ủng hộ của chính phủ nhằm thực hiện một xã hội mà nó thấy là tốt đẹp hơn và công bằng hơn và tương đối ít quan tâm đến yêu cầu đối với sản xuất.

Loại hình những phần tử cá nhân chủ nghĩa thứ hai nghĩ rằng Hoa Kỳ đã đủ giàu có và không cần phải để cho dầu hỏa gây nguy hại cho các bờ biển, để cho các cơ sở năng lượng hạt nhân gây nguy hại cho sông ngòi và những cái riu gây nguy hại cho những cánh rừng, vì rất cần gỗ và giấy in báo. Phần tử cá nhân chủ nghĩa loại này xem thường các mục tiêu và động cơ của những phần tử cá nhân chủ nghĩa về kinh tế: Rất có thể anh ta sẽ nói rằng: tại sao chúng ta lại cần nhiều đồ vật hoặc nhiều thứ hơn nữa? Vào những năm 70, trước những lời công kích như vậy, phần tử cá nhân chủ nghĩa về kinh tế không còn vẻ kiêu hãnh như trước đây nữa. Rất có thể con cháu họ đã thuộc trong số những người bảo vệ một cách nhiệt tình các quyền của người tiêu dùng, môi trường, phụ nữ và tầng lớp người thiểu số. Còn các phần tử cá nhân chủ nghĩa về kinh tế thì khó có thể bào chữa cho chính mình. Đã từng được ca ngợi mà không hề bị chất vấn về những mặt tốt đẹp của sự sung túc và tiếp tục tăng trưởng, thì lúc này anh ta thất bại trước một câu hỏi đơn giản mà người ta đặt ra: “tại sao”? Giới trí thức đặt ra câu hỏi này gay gắt hơn bao giờ hết tại các trường học và trường đại học, trên báo chí, phát thanh và truyền hình, trên các diễn đàn chính trị và trong quốc hội và trong cả tòa án mà có vẻ như đã gạt bỏ mọi lời kiện cáo khác để đưa ra những phán xét cuối cùng về đạo đức và chính trị trong xã hội Mỹ.

### **Vỡ mộng**

Có nhiều cách giải thích về sự bật phát của chủ nghĩa cá nhân mới chống lại chủ nghĩa cá nhân cũ. Về cơ bản, có vẻ như đã có một sự suy sụp lớn về lòng tự tin, hay đúng hơn là về niềm tin đối với nước Mỹ xưa. Có một sự chấn động trước vụ ám sát Tổng thống John F. Kennedy, và nhân dân Mỹ không thể tự giải thích đầy đủ cho chính mình. Không thể để cho một tấn bi kịch lớn tồn tại một cách vô nghĩa. Nhân dân sẽ kiên trì tìm kiếm ý nghĩa của nó. Xuất phát từ quan điểm đó, việc ám sát Abraham Lincoln là có nguyên nhân: Ông đã chết vì ông đã cố gắng giữ cho liên bang được toàn vẹn và giải phóng nô lệ bằng cách tiến hành cuộc chiến lớn chống lại miền nam là nơi cố duy trì nô lệ và những kẻ âm mưu vốn thù ghét ông về những điều này đã giết chết ông. Nhưng cái chết của John F. Kennedy thì có ý nghĩa gì? Ý kiến công chúng- ngay cả ý kiến của công chúng sáng suốt cũng không chấp nhận sự giải thích có vẻ hợp lý nhất và cả sự giải thích có sự chứng minh bằng tư liệu rõ nhất (thực ra đây là tư liệu duy nhất đã có được) cho rằng ông bị giết là do có kẻ bất bình đối với ông. Công chúng kiên trì đòi tìm một nguyên nhân lớn hơn: ông bị giết bởi “phái hữu” (những tay triệu phú ở Texas) ? hay bởi phái tả (Castro) ? Bởi Castro, vì tổ chức tình báo Mỹ xảo quyệt mà chính Tổng thống cũng không hay biết đã thử ám sát nhà lãnh đạo của Cuba.

Nhưng đó chỉ là mở đầu của hàng loạt cú đánh vào sự tự tin của người Mỹ. Đã bắt đầu xuất hiện những cuộc chống đối của sinh viên trong các trường đại học vốn rất tiêu biểu cho sự khẳng định là nước Mỹ đã đem lại nền giáo dục đại học tiên tiến nhất cho một bộ phận đông đảo trong thanh niên; những cuộc nổi loạn của người da đen ở những thành phố lớn của Mỹ; sự dính líu vào cuộc chiến tranh thảm khốc và không thể kết thúc. Chưa hết. Còn có vụ bê bối Watergate lan rộng ra tất cả các khu vực. Kết quả là trong một bộ phận lớn của thanh niên Mỹ, một bộ phận lớn của thông tin đại chúng và một phận cơ bản của trí thức đã mất đi lòng trung thành đối với những

mục đích trung tâm và những mục đích cơ bản của nước Mỹ. Trong một thời gian, việc bảo vệ xã hội Mỹ, chế độ chính trị Mỹ và văn hóa Mỹ phần lớn trở thành hoạt động của một thiểu số người, rất đáng ngờ và nói chung chỉ được tiến hành khi bị tấn công và hầu như đều là hoạt động du kích.

Chúng ta đã sống qua một thời kỳ kỳ lạ trong đó hai Tổng thống Mỹ và các cố vấn cao cấp của họ điều khiển chính sách của Mỹ mà tách biệt khỏi và không được sự tán thành của công chúng có trình độ giáo dục cao và ngành thông tin đại chúng ưu tú. Đó chưa phải là toàn bộ câu chuyện. Giữa những bộ phận thiếu giáo dục hơn và những nhân vật chính trị đại diện cho nhân dân bình thường, thì sự trung thành đối với chế độ có vẻ vẫn tiếp tục, dù cho chế độ đó lung lay và yếu kém. Như vậy là Hoa Kỳ đã phát triển một chế độ chính trị kỳ lạ. Bao trùm là sự phân hóa hiển nhiên và có thể hiểu được giữa người giàu và người nghèo, giữa nhà kinh doanh và công nhân, người thiểu số và đa số. Rồi những năm 70 lại xuất hiện sự phân hóa mới giữa những người cơ bản là bảo thủ đối với chế độ của Mỹ, không muốn nhìn thấy sự thay đổi nhanh chóng và cảm thấy rằng mặc dù những tổn thương vào những năm 60 và 70, những việc mà nước Mỹ đã làm không phải là kém với những người cảm thấy hoàn toàn ngược lại. Những người này nhìn nhận xã hội, văn hóa và chính thể là những gì giống như những khu vực thảm họa và muốn thay đổi. Loại người thứ hai này có trình độ giáo dục cao hơn và có ảnh hưởng hơn trong thông tin đại chúng. Điều này tạo nên một sự căng thẳng cơ bản trong chế độ của Mỹ. Loại quần chúng cơ bản là bảo thủ cho rằng ban lãnh đạo tài trí của mình tập trung ở những đại diện tự do hơn và thậm chí ở một chừng mực nào đó còn có tinh thần cấp tiến nữa.

### **Reagan và chủ nghĩa cá nhân cũ**

Việc Ronald Reagan trúng cử tạo nên một cú sốc trong giới trí thức tự do qua những năm 60 và 70 mà tinh thần họ vẫn chưa được phục hồi. Sự kiện này tiêu biểu cho sự thắng lợi của nước Mỹ cũ xưa với chủ nghĩa cá nhân cứng rắn và hung hăng áp đảo chủ nghĩa cá nhân mới mẻ và chống đối. Thắng lợi này diễn ra trên các đường phố, các thiết chế và các tòa án. Nó tiêu biểu cho thắng lợi của những người tin rằng năng lực sản xuất của Mỹ có thể và nên thả lỏng tự do cho lợi ích của tất cả mọi người, trái hẳn với những người tin rằng giải phóng cho năng lực sản xuất chỉ tăng thêm sự bất bình đẳng, tàn phá môi trường, làm cho xã hội tràn lan những đồ vật và hàng thương mại vốn không cần thiết cho một đời sống tốt đẹp. Nó tiêu biểu cho sự thắng lợi của xu hướng chính thống của tôn giáo ở vùng trung tâm của nước Mỹ mà ảnh hưởng và sức mạnh vốn đã suy sụp trong 50 năm chống lại chủ nghĩa thế giới của các trung tâm đại đô thị. Mặc dù sự thật là Reagan đã đến từ Hollywood và từ điện ảnh và là vị Tổng thống đầu tiên đã ly dị vợ, nhưng ông lại là đối thủ cương quyết đối với yêu cầu phá thai và là người tích cực ủng hộ việc cầu nguyện ở các trường học và là đại diện chính phủ ủng hộ các trường tôn giáo không thuộc Bang quản lý. Ông thường xuyên nói chuyện trước các cuộc họp của các nhóm thuộc xu hướng chính thống bảo thủ và phúc âm; những nhà thờ chính thức và tự do trước đây về cơ bản bị hạn chế việc tiếp cận với nhà Trắng, thì bây giờ được tiếp cận dễ dàng.

Trong nhiều năm không có cuộc bầu cử nào ở Hoa Kỳ lại có tính ý thức hệ sâu sắc như cuộc tranh cử giữa Reagan và Carter vào năm 1980. Không có cuộc bầu cử nào lại nổi bật trong sự thay đổi triết học của chính phủ đến như vậy. Chủ nghĩa tự do với mọi hình thức đã bị gạt bỏ ra khỏi bộ máy chính quyền mới. Nó tấn công lại những chính sách vốn ngăn cản chủ nghĩa cá nhân và tăng cường sự bình đẳng vốn được thiết lập trong 20 năm trước và đạt được những thành công với nhiều mức độ khác nhau. Chủ nghĩa cá nhân về kinh tế có được thả lỏng hay không

hoặc có thể được khuếch trương hơn nữa hay không; và sự phục hồi từ 1983 đến 1987 có thể được quy công cho các chính sách của chính quyền Reagan hay không, và những vấn đề này không được giải quyết tới mức độ nào, thì bất kể những thành công của nó, triết học của chính quyền mới này đã rất rõ ràng. Nhiều đối thủ của các luật lệ của chính phủ vốn ủng hộ bộ máy chính quyền này đã thất vọng trước những kết quả trong những cố gắng của nó muốn phục hồi chủ nghĩa cá nhân về kinh tế cổ xưa hơn: khi chính phủ đã triển khai công việc, thì khó có thể quay ngược lại kim đồng hồ. Tuy nhiên người ta đã cố gắng làm như vậy.

Thành tích của chính quyền Reagan càng nổi bật hơn khi nó tiến đến một chủ đề lớn thứ hai trong lịch sử nước Mỹ là tìm kiếm sự bình đẳng. Khi chính quyền quay trở lại chủ nghĩa cá nhân cũ xưa với hoạt động kinh tế tự do chống lại chủ nghĩa cá nhân mới với mối hoài nghi đối với lực lượng sản xuất, nên nó quay trở lại quan niệm cũ về bình đẳng ngược với những quan niệm mới hơn đang ngự trị trong những năm 70. Những phần tử cá nhân chủ nghĩa trẻ trung đấu tranh cho môi trường, sự an toàn và chống lại những hoạt động kinh doanh lớn, cũng tức là đấu tranh cho sự bình đẳng và nhiều cuộc cách mạng trong lĩnh vực lập pháp vào cuối những năm 60 và đầu những năm 70 trực tiếp nhằm vào vấn đề bình đẳng đối với các chủng tộc ít người, đối với phụ nữ, tầng lớp thiểu số về ngôn ngữ, những người tàn tật, các loại sinh viên có khó khăn, những người nghèo và những người nhận trợ cấp của chính phủ.

Thứ nhất là có sự ban hành pháp luật quan trọng đầu tiên vào những năm 1964, 1965, 1968 và 1972 nhằm chống phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo hoặc gốc rễ dân tộc trong các lĩnh vực bầu cử, tuyển dụng, giáo dục, nhà cửa, phúc lợi công cộng hoặc các chương trình được trợ cấp của Liên bang. Những thay đổi lớn đã diễn ra trên cơ sở của những điều luật này. Cuối cùng sự phân biệt đối xử về chủng tộc đối với học sinh đã bị xóa bỏ ở miền nam; do ảnh hưởng của luật lệ, qui định về tuyển dụng đã thay đổi một cách cơ bản; số lượng lớn những người da đen bắt đầu đi bầu ở những khu vực tại miền Nam, nơi mà trước đây họ bị tước đoạt quyền bầu cử và bắt đầu các cuộc bầu các thành viên cơ quan lập pháp, các thị trường và các quan chức chính phủ khác.

Thứ hai là độc lập đối với ngành lập pháp, các hành động của các tổ chức hành pháp của chính phủ Liên bang và của Tổng thống, các hành động chính thức đã được phê duyệt và có tính chất bắt buộc đối với các nhà thầu Liên bang đều được coi là quan trọng như nhau. “Nhà thầu Liên bang” là các doanh nghiệp hoặc các tổ chức nhận tài trợ của Liên bang, điều này có nghĩa là bao gồm hầu hết các doanh nghiệp và các tổ chức. “Các hoạt động đã được phê duyệt” có nghĩa là các chương trình dựa trên cơ sở thống kê nhằm tuyển dụng những nhóm đặc biệt nhất định—những người da đen, những người Mỹ gốc Tây Ban Nha hoặc Bồ Đào Nha, người Mỹ gốc châu Á, những người Mỹ da đỏ và phụ nữ. Những chương trình này trở thành công cụ mạnh mẽ buộc các doanh nghiệp và các trường đại học phải tuyển dụng và đề bạt những người thiểu số và phụ nữ. Thứ ba là các tòa án của Liên bang và Bang xuất phát từ cơ sở chủng tộc và giới tính qui định chỉ tiêu trong việc tuyển dụng của nhiều doanh nghiệp, các chính quyền của địa phương và của Bang; xóa bỏ sự phân biệt đối xử trong các trường học (thí dụ như việc đi xe buýt); Đối xử tốt hơn đối với những người nhận trợ cấp, những bệnh nhân ở các bệnh viện tâm thần, các tù nhân, những người tàn tật và các trẻ em cần sự quan tâm đặc biệt ở các trường học.

Tất cả những điều đó đã có những ảnh hưởng cơ bản đối với đời sống thường ngày. Ở một số thành phố, một phần ba hoặc hơn một phần ba các học sinh thường xuyên di chuyển ra khỏi các khu vực của các em, nên mỗi trường có thể có một sự hỗn hợp thích đáng về chủng tộc. Ở nhiều



Bang, lãnh đạo của bệnh viện tâm thần và nhà tù phải thực hiện sự chỉ đạo của các quan tòa Liên bang đòi hỏi chi phí nhiều cho việc cải thiện các tiện nghi sinh hoạt ở những nơi đó. Hầu hết ở mọi nơi, đối với các trẻ em có khó khăn về học tập, các quan tòa đòi hỏi phải chi phí nhiều về giáo dục để các em có cơ hội tốt hơn về đào tạo, cũng như các trẻ em bình thường khác. Điều này đã góp phần gây nên những khủng hoảng về tài chính ở các Bang và thành phố. “Qui trình tố tụng” được triển khai nhằm bảo vệ những người nghèo và những người nhận trợ cấp của chính phủ trên nhiều phương diện. Như vậy là nếu không trải qua một số qui trình tố tụng, thì các gia đình và các cá nhân không thể bị tước bỏ các khoản phúc lợi, những người mua và thuê nhà không thể bị gạt bỏ khỏi những dự án nhà cửa công cộng và các trẻ em không thể bị đuổi ra khỏi trường học.

Chúng ta đã được chứng kiến việc triển khai rộng rãi sự bình đẳng hoặc hơn cả sự bình đẳng, đó là sự đối xử gắn liền với “qui trình tố tụng” và “sự bảo vệ một cách bình đẳng trước pháp luật”, nhưng sự phát triển này không được hoan nghênh một cách phổ biến. Nó gây khó khăn hơn cho việc tống khứ những kẻ lừa dối nhằm giành lấy phúc lợi, khó hơn trong việc gạt bỏ những kẻ phá hoại và phi pháp khỏi những dự án nhà cửa, khó đuổi ra khỏi trường những đứa trẻ vô kỷ luật và cản trở việc học hành của những trẻ em khác. Do các tòa án qui định những chi phí mới, nên tăng thêm nhiều các khoản chi phí của chính phủ. Nó đặt ra những câu hỏi phức tạp về vấn đề phải chăng sự phân công cơ bản trong hiến pháp giữa hành pháp, lập pháp và tư pháp đã bị vượt qua khi các quan tòa do thực hiện “qui trình tố tụng” và “bảo vệ một cách bình đẳng” đã áp đặt những thay đổi trong chính quyền địa phương, Bang và Liên bang.

### **Bình đẳng và chủ nghĩa cá nhân: một nghịch lý lâu dài**

Cuộc cách mạng bình đẳng ở Hoa Kỳ đặt ra một vấn đề nghiêm trọng: phải chăng cuộc cách mạng bình đẳng đã tiến bộ xa đến mức một số phương diện nào đó của chủ nghĩa cá nhân hiện đang lâm nguy? Người ta có thể đặt câu hỏi: tại sao mở rộng bình đẳng lại đe dọa các quyền cá nhân? Tất nhiên những nhà quan sát nền dân chủ từ lâu đã hiểu rằng- và lại một lần nữa chúng ta có thể nhắc đến Tocqueville- có những xung đột cố hữu giữa bình đẳng và chủ nghĩa cá nhân, hoặc nếu muốn thì ta gọi đó là tự do. Tocqueville đã nhận thức rất rõ ràng về điều đó, vì cách mạng Pháp khi xóa bỏ đi sự bất bình đẳng trong pháp luật vốn tạo sự phân biệt giữa người Pháp với nhau, thì cuối cùng đã dẫn tới chủ nghĩa chuyên chế của Napoleon. Napoleon đã có thể biểu hiện mình như một người thực hiện những mục đích của cách mạng Pháp, vì quả thực là trong tiến trình triển khai bước tiến của ông khắp châu Âu, ông đã xóa bỏ những sự phân biệt của chế độ cũ và mang lại sự bình đẳng về pháp lý cho tất cả mọi người – nhưng là một sự bình đẳng mà mọi người đều ngang bằng nhau dưới quyền lực chuyên chế. Những cuộc cách mạng sau đó đều cho thấy một tình trạng tương tự.

Nhưng dù là mối đe dọa lâu dài của bình đẳng đối với chủ nghĩa cá nhân như thế nào đi nữa, thì vấn đề ở Hoa Kỳ không phải là chiều hướng tiến tới sự bình đẳng lớn hơn đã tạo ra cơ sở cho sự hủy diệt của tự do. Hoàn cảnh triển khai trong mối xung đột giữa bình đẳng và chủ nghĩa cá nhân là một vấn đề mà các nhà triết học chính trị chưa báo trước một cách rõ ràng và là một vấn đề đặc thù đối với Hoa Kỳ. Bước tiến mạnh mẽ tới sự bình đẳng bắt đầu đe dọa chủ nghĩa cá nhân không phải vì các ý kiến bị hạn chế- ở Hoa Kỳ chưa bao giờ được tự do hơn thế; không phải vì sự tiếp cận đối với chính trị bị hạn chế - do cấu trúc của phe đảng bị suy sụp, nên chưa bao giờ sự tiếp cận lại dễ dàng hơn thế; không phải vì sự tiếp cận với thông tin đại chúng nhằm bày tỏ

những ý kiến riêng biệt bị hạn chế - mọi ý kiến, kể cả những ý kiến kỳ lạ nhất cũng dễ được tiếp cận, và quả thực thường có tình hình là ý kiến càng kỳ lạ thì càng dễ được bày tỏ.

Đặc biệt là xu hướng chủ nghĩa bình quân đe dọa chủ nghĩa cá nhân, vì nó nhằm thẳng vào vấn đề lớn của nước Mỹ, vấn đề chủng tộc, và làm như vậy nó đã tạo nên những loại chủng tộc và dân tộc chính thức trên cơ sở mà xuất phát từ đó các quyền, quyền lợi và nhiệm vụ được phân bổ bởi chính phủ, bởi các ông chủ và tổ chức tư nhân dưới sự đòi hỏi của chính phủ. Đó là một sự phát triển nói chung là bất ngờ và là điều đã tạo nên một cảm giác khó chịu là ngày nay ở Hoa Kỳ cá nhân không còn được đánh giá theo mục đích tuyển dụng hoặc tuyển vào ngành đào tạo với tư cách là các cá nhân mà không tính đến nhóm chủng tộc và dân tộc của người đó. Ngược lại, nhiều người tin rằng người đệ đơn được xét duyệt một cách chính xác với tư cách là đại diện hoặc thành viên của một nhóm đặc biệt nào đó, có nghĩa là thuộc một loại nào đó thì được đối xử theo loại đó, còn thuộc loại khác, thì lại được đối xử theo cách khác.

Tất nhiên điều này cũng xảy ra ở các xã hội dân chủ khác. Thí dụ như ở Ấn Độ, sự ưu tiên trong tuyển dụng, học tập và quyền đại diện chính trị dành cho các nhóm vốn đã phải chịu sự phân biệt đối xử sâu sắc và nghiêm trọng. Ở những nước khác, người ta cũng nhận thấy có một sự ưu tiên giống như vậy, không phải vì một nhóm nào đó đặc biệt chịu sự phân biệt đối xử, mà bởi vì một sự cân bằng chính trị ổn định ở một nước phân hóa sâu sắc đòi hỏi phải làm như vậy. Ở Hoa Kỳ, “sự ưu tiên”, “mục tiêu” và “chỉ tiêu” không hẳn là không tương hợp với một trật tự xã hội dân chủ và công bằng. Quả thực là chúng có thể cần thiết cho việc thực hiện trật tự đó. Nhưng phần lớn tùy thuộc vào bản chất của cái xã hội mà trong đó chúng được đề xuất. Trong một xã hội mà hai hay nhiều nhóm đã được xác định rõ ràng và được coi là sẽ duy trì tính chính thể của chúng mãi mãi-chẳng hạn như các nhóm khác biệt về ngôn ngữ như ở các nước Canada và Bỉ hoặc các nhóm dân tộc như ở Nam Tư- sự công bằng có thể đòi hỏi quyền đại diện bình đẳng cho mỗi nhóm trong nhiều phạm vi, và cách sắp xếp như vậy có thể có lợi nhất cho hòa bình trong nội bộ mỗi xã hội.

### **Sự trừng phạt công cộng đối nghịch với sự tinh vi riêng tư**

Nhưng Hoa Kỳ không tự coi mình là một xã hội như vậy. Hoa Kỳ là liên hiệp các Bang, chứ không phải là liên hiệp các dân tộc. Mặc dù sự phân biệt đối xử mà các nhóm chủng tộc và dân tộc đã phải chịu đựng- và trong một số trường hợp, đặc biệt là đối với những người da đen, người Nhật và người Trung Quốc, sự phân biệt đối xử này được biểu hiện ngay cả trong luật công khai- nhưng phần lớn dư luận công chúng Mỹ vẫn hy vọng rằng tất cả những người Mỹ rút cục vẫn thống nhất trong một xã hội chung mà không có sự phân biệt về chủng tộc, sắc tộc hoặc tôn giáo. Người ta hy vọng rằng những loại này sẽ trở thành những vấn đề riêng biệt thuần túy và chính phủ không cần phải bận tâm. Niềm hy vọng này đã được thể hiện trong luật pháp Liên bang năm 1964 và thời kỳ sau đó và căn cứ vào đó, thì bất cứ một tổ chức công cộng nào cũng không được tính đến sự phân biệt đó và trong thực tế cũng không thể dựa vào đó để điều chỉnh các hành vi riêng tư khi nó đụng chạm đến những phạm vi chủ yếu của đời sống như giáo dục, tuyển dụng, nhà ở và sự tiếp cận các phương tiện công cộng.

Đó là hy vọng của phong trào quyền công dân đầu những năm 60 cho rằng ta sẽ xây dựng ở Hoa Kỳ một xã hội không phân biệt sắc tộc. Nhưng sau năm 1964, niềm hy vọng đó lại rất nhanh chóng nảy sinh và hành động của công chúng ngày càng diễn ra trên cơ sở những loại chủng tộc và dân tộc đặc biệt. Sự thật là hành động này của công chúng là nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử

của quá khứ, nhưng rất khó vạch ra một ranh giới giữa “những chỉ tiêu” nhằm xóa bỏ những hiệu quả của phân biệt đối xử trong quá khứ với “những mục tiêu” yêu cầu tuyển dụng trên cơ sở của các nhóm chủng tộc và dân tộc trong tương lai. Cũng như vậy, khó có thể thấy rõ sự khác biệt giữa những hành động giải tán các trường phân biệt đối xử- một việc đã được hoan nghênh một cách rộng rãi với những hành động nhằm thiết lập những phạm vi chủng tộc xác định trong mỗi trường, như việc “đi xe buýt” mà đã bị phân đối một cách gay gắt. Thành tích của những mục tiêu tuyển dụng và việc tạo ra những phạm vi chủng tộc xác định ở các trường có nghĩa là chính phủ lại một lần nữa dựa vào các nhóm chủng tộc và dân tộc để xác định đặc điểm con người, nhưng lần này nó được giải thích là không vì mục đích phân biệt đối xử, mà vì mục đích làm rõ hiệu quả của phân biệt đối xử.

Nhưng tất nhiên khó vạch ra sự khác biệt giữa phân biệt đối xử có ác ý và phân biệt đối xử có thiện ý. Ngày nay đối với phần lớn những người đàn ông da trắng, dù là được đào tạo và có tài năng, điều hiển nhiên là những cơ hội của họ muốn kiếm được công việc ở các trường đại học đã trở nên hiếm hoi do phải cạnh tranh trong khi có sự ưu tiên của chính phủ cho các thành viên thuộc nhóm thiểu số và phụ nữ. Chắc chắn là vấn đề này có hai mặt và cả hai mặt đều thực sự nghiêng về phía các thiên thần. Những người ủng hộ các mục tiêu và chỉ tiêu muốn có những nhóm có tính đại diện khiêm tốn hoặc rất ít trong một số lĩnh vực công việc chuyên nghiệp nào đó, nhưng lại có tính tiêu biểu hơn trong một số lĩnh vực nào đó của việc tuyển dụng. Còn những người lập luận chống lại những biện pháp này thì lại muốn thấy rằng những cố gắng của cá nhân đáng được ban thưởng. Vì vậy có mối xung đột giữa mục tiêu của bình đẳng và cuộc tấn công mạnh mẽ của các phần tử cá nhân chủ nghĩa lâu đời trong đời sống của nước Mỹ, mỗi xung đột này có tính chất khá đặc biệt.

### **Những câu hỏi gai góc**

Hai mục tiêu vẫn mâu thuẫn nhau một cách sâu sắc. Những vụ kiện dựa trên cơ sở hiến pháp cho thấy sự tiến bộ trong vấn đề này. Có một lần, một thanh niên tên là Marco Defunis, là người da trắng và Do Thái, không được tuyển vào trường Luật của Đại học Washington, trong khi những người khác có điểm số thấp hơn lại trúng tuyển do thuộc diện thiểu số. Tất nhiên anh có thể tranh cãi rằng anh cũng thuộc diện thành phần thiểu số và thành phần của anh với mức độ bị phân biệt đối xử trong quá khứ lại rất tiêu biểu trong các trường luật và nghề tư pháp. Những người da đen và những người Mỹ gốc Mexico ít tiêu biểu về mặt này. Tuy nhiên anh không lập luận như vậy. Anh không yêu cầu được xếp vào diện tầng lớp thiểu số được ưu tiên, mà nói rằng không nên ưu tiên bất cứ ai trên cơ sở nguồn gốc chủng tộc và dân tộc. Vụ kiện của anh chuyển lên Tòa án tối cao và quyết định không đem ra xử. Nhưng không thể trốn tránh vụ kiện này một cách dễ dàng. Vụ kiện khác là do Allan Bakke tiến hành. Anh thi vào trường Y khoa của Đại học California tại Davis. Vụ này đã do Tòa án tối cao xử, nhưng không xử trúng vấn đề, vì trong khi Tòa phán xét rằng nên tuyển Bakke vào trường Y khoa, thì Tòa cũng phán quyết rằng khi quyết định tuyển sinh viên, thì cũng phải xét đến vấn đề chủng tộc.

Defunis và Bakke muốn được đối xử như những cá nhân và tranh cãi rằng gốc rễ chủng tộc và thành phần của họ không nên có vai trò gì trong việc tuyển họ vào trường Luật và Y khoa là những trường có tiêu chuẩn cao. Các trường này khẳng định rằng họ có quyền và nghĩa vụ đảm bảo có sự đối xử bình đẳng, không phải đối với các cá nhân mà đối với các nhóm. Vì vậy nếu các nhóm còn chưa đủ tính chất tiêu biểu, thì cần phải có các nhóm tiêu biểu hơn. Các trường này quả quyết rằng tiêu chuẩn của sự bình đẳng đòi hỏi phải như vậy.

Thế là những câu hỏi này được nêu ra như sau: Phải chăng là cá nhân có quyền được đối xử một cách công bằng và không chút phân biệt? Và nếu cá nhân được như vậy, thì tiếp sau đó phải chăng là nhóm- một sự tập hợp của những cá nhân- cũng được đối xử một cách công bằng và không chút phân biệt? Nếu các nhóm đều được ưu tiên một cách bình đẳng tại các trường Y khoa, trường Luật, trong việc tuyển dụng ở các trường đại học, trong Ban điều hành doanh nghiệp, trong dịch vụ dân sự, thì tiếp sau đó phải chăng là các cá nhân sẽ được đối xử ít bình đẳng hơn? Nhưng nếu chúng ta chỉ tập trung vào những cá nhân và kết quả là một số nhóm sẽ ít có đại diện ở những bộ phận tinh hoa và quan trọng, thì phải chăng các nhóm sẽ chịu thiệt thòi và bị tước đoạt mất quyền được đối xử bình đẳng? Phải chăng mỗi nhóm đều cần có các bác sĩ, luật sư, giáo sư, quan chức chính phủ, cán bộ điều hành doanh nghiệp của nhóm đó? Ta làm thế nào để đảm bảo rằng họ đều được phân chia một cách công bằng, trừ phi chúng ta chia đều các chức vụ quan trọng trên cơ sở dân số? Nhưng nếu chúng ta làm như vậy, thì phải chăng chúng ta từ bỏ hy vọng về một nước Mỹ thống nhất, không phân biệt màu da và chỉ dựa vào tiêu chuẩn trong đó mọi người mang dấu hiệu chủng tộc, dân tộc và được đối xử trên cơ sở đó? Phải chăng sự đối xử bình đẳng cho các nhóm chỉ là tạm thời cho đến khi mỗi nhóm đạt tới một tỷ lệ phần trăm được xác nhận? Ngay cả khi chúng ta đảm bảo rằng đó chỉ là tạm thời, thì điều gì sẽ xảy ra khi ta tiến đến chỗ không kể đến màu da và một nhóm bắt đầu tụt xuống dưới tỷ lệ phần trăm của nó, do kết quả của việc chúng ta từ bỏ việc tuyển dụng, đào tạo và sắp xếp chức vụ dựa vào các thành viên của nhóm đó? Người ta có thể thêm vào những câu hỏi khác- những câu hỏi không bao giờ hết. Nhưng đó là những câu hỏi sẽ còn theo sát cuộc sống của chúng ta trong những năm 80 và có lẽ còn vượt ra ngoài thời gian đó.

Chính quyền Reagan cương quyết phản đối các chỉ tiêu trong tuyển dụng và giáo dục. Chủ trương của chính quyền đã rõ ràng. Những hành động của chính quyền này tất yếu là sẽ bị ngăn cản bởi hàng loạt những qui định và lệnh của tòa án vốn đã xác định chỉ tiêu là giải pháp cho những vấn đề của tính đại diện của những người da đen, các dân tộc thiểu số khác và phụ nữ trong tuyển dụng ở các cơ sở tư và công và các tổ chức giáo dục đại học. Hành động của chính quyền còn bị ngăn cản bởi một sự thật là chính phủ không thể bằng một mệnh lệnh ngắn gọn mà thay đổi các cơ quan chủ yếu của chính phủ với hàng nghìn nhân viên tận tụy thực hiện những chính sách này. Chính quyền còn phải thận trọng khi suy xét các vấn đề chính trị. Quả thật nó có thể biện minh rằng khi tán công vào vấn đề chỉ tiêu, nó đã bảo vệ một hình thức bình đẳng này để chống lại một hình thức bình đẳng khác. Nhưng đối với thông tin đại chúng điều khiển bởi những người mà quan điểm đã hình thành nên từ những cuộc đấu tranh cho quyền công dân của những năm 60, thì hành động này chẳng khác gì quay ngược kim đồng hồ.

Chính quyền Reagan được nhắc tới bởi một số cuộc đấu tranh về mặt luật pháp nhằm cố gắng hạn chế phạm vi những sự việc phân biệt đối xử trong các chuyến xe buýt của trường học và việc áp đặt chỉ tiêu ưu tiên trong tuyển dụng. Nhắc lại những cuộc đấu tranh này sẽ đưa chúng ta đi quá xa, nhưng có thể đề cập tới hai điểm. Trong mỗi trường hợp chính quyền đều khẳng định nó bảo vệ quyền của cá nhân được đối xử như một cá nhân “một cách bình đẳng”. Trong mỗi trường hợp nó đều bị tấn công bởi các tổ chức chủ yếu của phong trào quyền công dân cho rằng nó đã chống lại những quyền của các nhóm thiểu số và phụ nữ mới được xây dựng gần đây. Thứ hai là nhìn một cách tổng thể, cấu trúc của những quyền lợi của các nhóm thiểu số và phụ nữ với mức độ được thiết lập trong luật pháp, các qui định của Liên bang và trong các quyết định của Tòa án, nó đã đứng vững qua sáu năm rưỡi trước sự phê phán của Liên Bang. Hiển nhiên là việc thực thi những yêu cầu này đã giảm bớt một cách tương đối. Nhưng chúng ta đã nằm sẵn trong bộ luật rồi, nếu và khi nào một chính quyền khác xuất hiện và đề xuất sự thể hiện mới về bình đẳng như một

cố gắng nhằm thực hiện sự bình đẳng cho các nhóm qua sự đối xử khác nhau với các cá nhân trên cơ sở chủng tộc, dân tộc và giới tính.

Chúng ta đã nhảy vọt qua từng giai đoạn cụ thể của cuộc đấu tranh cho bình đẳng ở Hoa Kỳ. Như Tocqueville đã nhìn thấy trước, bình đẳng là mục tiêu lớn của xã hội. Nhưng bình đẳng không phải là một vấn đề đơn giản. Người ta có thể thông qua những đạo luật công bằng, xóa bỏ những điều luật có tính phân biệt đối xử một cách trắng trợn. mở những cánh cửa của các trường học, những nơi tuyển dụng, cơ quan chính phủ và những địa điểm công cộng. Ở mỗi giai đoạn, những câu hỏi mới lại được nêu ra. Tuy nhiên đó là những câu hỏi mà giai đoạn trước chưa thể tưởng tượng ra được. Những người vào đầu những năm 1960 nghĩ rằng bình đẳng sẽ không yêu cầu một người nào đó phải đưa cả nhóm chủng tộc hoặc dân tộc của mình vào trong đơn từ khi xin được tuyển vào trường học hoặc nơi tuyển dụng, thì bây giờ nghĩ rằng đó là điều quan trọng, vì muốn thực hiện sự bình đẳng, thì mỗi người đều đòi hỏi phải làm như vậy. Những câu hỏi rắc rối và khó khăn đã được nêu ra, nên chính phủ với cố gắng nhằm thực hiện sự bình đẳng lớn hơn nữa, đã bắt đầu đặt ra những giới hạn cho những ước mơ và khát vọng của các cá nhân trên cơ sở của các nhóm chủng tộc và dân tộc của họ. Chỉ có mỗi một điều an ủi mà hoàn cảnh hiện tại đem lại cho chúng ta: chúng ta đối phó với những vấn đề phức tạp hơn trong việc hòa hợp giữa các quyền cá nhân với sự bình đẳng chỉ vì, rất may là chúng ta đã từng phải đối phó với những vấn đề đơn giản hơn trong quá khứ.

**Trích phần 3 trong cuốn sách “Lập quốc: Xã hội và văn hoá của Hoa Kỳ”, trang 226-240  
Vụ Nghiên cứu về Hoa Kỳ, Cục Thông tin Hoa Kỳ, Washington D.C., 1987**

---

[1] Ralph Nader (1934- ) là một luật sư. Ông là người đầu tiên phát động phong trào bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và an toàn giao thông và sinh hoạt ở Mỹ. (N.D)